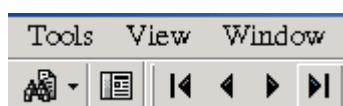


## MỘT SỐ THAO TÁC CƠ BẢN ĐỌC TOÀN VĂN KQNC

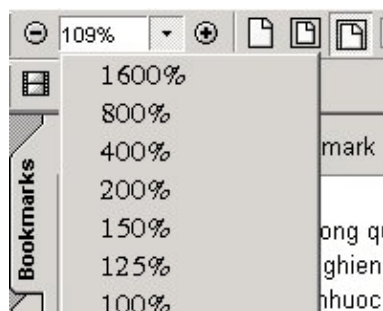


*☞ Sử dụng mục lục đọc nhanh bên phải màn hình để đọc ngay Chương, Mục phù hợp (nháy chuột vào tên Chương, Mục muốn đọc)*

*☞ Sử dụng các phím PageUp, PageDown, Enter, phím mũi tên trên bàn phím hoặc các biểu tượng mũi tên trên thanh công cụ để lật trang:*



*☞ Sử dụng các biểu tượng trên thanh công cụ (hoặc chọn tỷ lệ hiện hình trang tài liệu trong hộp công cụ) dưới đây để phóng to/thu nhỏ trang tài liệu:*



VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG  
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH MỘT SỐ THỐNG

1106/KQ

Báo cáo kết quả thực hiện

ĐỀ TÀI "ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH LƯỢNG  
TRONG PHÂN TÍCH CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ  
VỀ MỘT VÀ NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN"

Đề tài cấp Bộ

Chủ nhiệm : Nguyễn Văn Quý

Những người tham gia trực tiếp :

Trần Kim Chung; Lê Việt Đức;

Nguyễn Văn Vy; Nguyễn Thị Thanh Hương.

Hà Nội tháng 5 năm 1991

**Mục đích nghiên cứu:**

Mục đích nghiên cứu của đề tài "ứng dụng phương pháp định lượng trong phân tích các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và nghiên cứu phát triển" là nhằm bổ sung các kết quả nghiên cứu đã thực hiện trong đề tài 98A-05-01 theo hướng đẩy mạnh việc áp dụng các phương pháp định lượng trong nghiên cứu kinh tế nước ta hiện nay.

**Thời hạn nghiên cứu :**

6 tháng cuối năm năm 1990 (sau khi kết thúc đề tài 98A-05-01) và sau đó được phép kéo dài thêm đến tháng 5/1991.

**Nội dung nghiên cứu:**

Tập trung ba nội dung :

- Phân tích chỉ số ICOR và tăng trưởng kinh tế
- Phương pháp tính thu nhập quốc dân trong nước (GDP) theo so sánh mức mua và phân loại trình độ phát triển kinh tế nước ta.
- Bước đầu xây dựng cơ sở dữ liệu nông nghiệp phục vụ cho nghiên cứu phát triển.

## MỞ ĐẦU

Trong báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài 98A-05-01 "Phân tích kinh tế và các chính sách quản lý vĩ mô trên cơ sở ứng dụng phân tích hệ thống và kỹ thuật tính toán" tháng 6/1990 đã sử dụng công cụ mô hình gồm :

- Mô hình kinh tế lượng trong phân tích hiệu quả của các chính sách quản lý vĩ mô.

- Mô hình cân đối và tăng trưởng trong nghiên cứu phát triển, phân tích mục tiêu chiến lược năm 2000 của nước ta.

Ngoài các công cụ định lượng tính toán tương đối phức tạp theo mô hình nói trên, trong thực tế người ta còn sử dụng các tính toán đơn giản hơn nhưng liên quan đến việc phân tích một số chỉ tiêu kinh tế cơ bản rút ra từ nghiên cứu các mô hình tính toán đã nêu.

Từ mô hình tăng trưởng để phân tích nhịp tăng của nền kinh tế trong mối quan hệ với tích lũy, đầu tư, người ta chú ý phân tích chỉ số ICOR để xem xét khả năng về vốn mà mỗi nền kinh tế cần có để đạt được mục tiêu đề ra. Nghiên cứu chỉ số ICOR là bổ sung cho các nghiên cứu về mô hình tăng trưởng.

Vấn đề thứ hai cũng liên quan đến nghiên cứu phát triển là phân tích trạng thái xuất phát của nền kinh tế, đánh giá so sánh với về trình độ phát triển với các nước khác trên thế giới. Ở đây nhu cầu sử dụng phương pháp định lượng để ước tính lại giá trị thu nhập quốc dân theo đồng Mỹ của nước ta đặt ta trong mối quan hệ với các nghiên cứu đã đề cập đến trong đề tài 98A.05.01.

Vấn đề thứ ba cũng thuộc trong tổng thể các nghiên cứu của trước đây đề tài 98A.05.01 cũng quan tâm là cơ sở dữ liệu để phân tích các khả năng phát triển kinh tế nước ta năm 2000, mà trong đó phần số liệu dành cho mô hình tính toán nông nghiệp chiếm phần quan trọng.

Ba nội dung mà đề tài này đề cập đến, mặc dù xét có tính chất độc lập nhau nhưng thực chất là thuộc trong tổng thể của việc áp dụng phương pháp định lượng trong nghiên cứu phát triển, bổ sung cho các nghiên cứu đã thực hiện trong đề tài 98A.05.01.

## Phần I

### PHÂN TÍCH CHỈ SỐ ICOR VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Trong chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta có nêu ra mục tiêu tăng thu nhập quốc dân bình quân đầu người lên 2 lần so với năm 1990. Trong các câu hỏi liên quan đến thực hiện mục tiêu này có vấn đề ước lượng đầu tư theo mô hình tăng trưởng và phân tích chỉ số ICOR (Incremental capital Output Ratio) cho đến nay cũng còn ít các nghiên cứu về chỉ số ICOR của Việt Nam và các nghiên cứu chiến lược phát triển liên quan đến nó. Để tiến hành các phân tích định lượng và sử dụng công cụ mô hình trong nghiên cứu phát triển đồng thời trả lời câu hỏi về ước lượng đầu tư nói trên đòi hỏi nghiên cứu bổ sung về chỉ số ICOR vào phần mô hình tăng trưởng đã ứng dụng trong tính toán ở báo cáo đề tài 98A-05-01.

#### 1. Vai trò và ý nghĩa của chỉ số ICOR.

- Xét theo quan điểm "vào - ra" đối với hoạt động của một đơn vị kinh tế nói chung (xí nghiệp hoặc toàn nền kinh tế) người ta sử dụng đại lượng tỷ số tư bản - đầu ra để chỉ năng lực sản xuất của tư bản (vốn)

$$v = \frac{K}{Y}$$

$v$  : tỷ số tư bản đầu ra,  $Y$  : đầu ra (thu nhập),  $K$  : tư bản (vốn).

- Các nhà kinh tế thường dùng một đại lượng khác là chỉ số gia tăng tư bản - đầu ra hay ICOR để nghiên cứu mối quan

hệ giữa tư bản bỏ ra thêm và mức độ gia tăng của đầu ra

$$ICOR = \frac{I}{\Delta Y} \quad (1)$$

I: Là phần tư bản đầu tư thêm trong năm .

$\Delta Y$  : Phần gia tăng đầu ra (thu nhập) trong năm.

- Chỉ số ICOR có thể xét từ góc độ hàm sản xuất giản đơn  $Y = abK$

Trong đó kết quả sản xuất Y là hàm tuyến tính của tư bản K. Từ đó

$$ICOR = \frac{1}{b} = \frac{\Delta K}{\Delta Y} = \frac{I}{\Delta Y}$$

Như vậy ICOR là số nghịch đảo của hệ số hiệu quả sử dụng tư bản. Nó cho biết để tăng thêm 1 đơn vị đầu ra đòi hỏi tăng thêm bao nhiêu tư bản đầu vào.

- Xét trên phạm vi kinh tế quốc dân thì đầu tư hàng năm (hay tích lũy hàng năm) I thường được tính theo hệ số tích lũy S hay tỷ suất đầu tư trong thu nhập quốc dân Y.

$$I = sY$$

$$\text{Từ đó } ICOR = \frac{I}{\Delta Y} = \frac{Y}{\Delta Y}$$

nếu chú ý là  $\frac{\Delta Y}{Y} = g$  là nhịp tăng hàng năm của thu nhập quốc dân Y thì ta có

$$\boxed{ICOR = \frac{1}{g}} \quad (2)$$

Đó cũng là hệ thức cơ bản rút ra từ mô hình tăng trưởng Harrod - Domar và là mô hình được sử dụng rộng rãi trong

các nước đang phát triển như là một phương pháp đơn giản để xem xét mối quan hệ giữa sự tăng trưởng và các nhu cầu về tư bản.

Trên thực tế kết quả đầu ra của một đơn vị kinh tế phục thuộc không chỉ tư bản đầu vào và còn phụ thuộc vào lao động. Tư bản không đóng góp nhiều vào sự tăng trưởng như người ta đã giả thiết trong các mô hình tăng trưởng trước đây. Tuy nhiên đối với các nước đang phát triển ngày nay thì tư bản có xu hướng giữ vai trò to lớn hơn so với sự tăng trưởng của các nước ở giai đoạn trước đây. Vì vậy huy động vốn vẫn là mối quan tâm chính của các nhà xây dựng chiến lược ở các nước đang phát triển. Từ công thức (2) trên cho thấy :

+ ICOR bằng tỷ lệ tích lũy trong thu nhập quốc dân chia cho nhịp tăng của nó.

$$+ \text{ Có thể biến đổi để có } g = \frac{S}{\text{ICOR}} \quad (3)$$

Hệ thức này cho biết nhịp tăng thu nhập quốc dân bằng hệ số tích lũy chia cho ICOR.

+ Có thể biến đổi và có  $S = g \cdot \text{ICOR}$  (4), hệ thức này cho biết hệ số tích lũy trong thu nhập quốc dân cần thiết để có nhịp tăng thu nhập quốc dân bằng  $g$  là bằng  $g$  nhân với ICOR.

Như vậy, ba số nhịp tăng thu nhập quốc dân, hệ số tích lũy và ICOR liên quan nhau. Khi một nền kinh tế đã có một trình độ sản xuất nhất định thể hiện qua chỉ số ICOR thì nhịp tăng thu nhập quốc dân và hệ số tích lũy là phụ thuộc lẫn nhau. Chẳng hạn, nếu  $\text{ICOR} = 4$  mà tích lũy mức 20% thu nhập quốc dân thì nhịp tăng kinh tế sẽ là 5% năm, hoặc chẳng hạn muốn phát triển với nhịp tăng 6% năm thì đòi hỏi phải tích lũy 24% thu nhập quốc dân.



Vấn đề đặt ra sau đây là thử so sánh chỉ số ICOR của các nước trên thế giới và xem xét biến thiên của ICOR Việt Nam cho đến nay. Từ đó phân tích các khả năng phát triển sắp đến liên quan với điều kiện về tích lũy, và vốn.

## 2- So sánh quốc tế về chỉ số ICOR

Để có bức tranh tương đối toàn cảnh trong phân tích và trong việc xem xét tình hình cụ thể của nước ta. Chúng ta xin nêu ra 3 bảng số liệu về ICOR.

Bảng thứ nhất là về chỉ số ICOR của các nước XHCN trong những giai đoạn 1960 - 1985 là thời kỳ mà nền kinh tế của nước ta có những bước đi căn bản giống với các nước đó (mục tiêu công nghiệp hoá, mục tiêu tốc độ tăng trưởng...).

Bảng thứ hai là về chỉ số ICOR của các nước châu A' - Thái bình dương trong các giai đoạn 1960 - 1991. Đáng chú ý là các chỉ số ICOR của từng năm trong giai đoạn 1981- 1989 và 2 năm 90 - 91 (do số liệu dự báo của Ngân hàng phát triển Châu A'), bởi vì trong thời gian này, những nước châu A', đặc biệt những nước NIE có những điều đáng được xem xét, và những nước này có những điểm gần với nước ta trong thời kỳ trước cất cánh.

Bảng 3 là chỉ số ICOR của 1 số nước công nghiệp phát triển, một số nước Châu Phi và Trung Đông cùng một số nước Mỹ La Tinh nhằm góp thêm vào bức tranh toàn cảnh trong phân loại ICOR.

Bảng 1

Tên nước	1960- 1965	1966- 1970	1971- 1980	1981- 1985
Bungari	4,1	3,3	3,6	6,2
Hungari	5,0	3,9	4,6	13,5
Cộng hoà DC Đức	5,1	4,6	4,7	4,8
Cuba	-	-	2,2	2,7
Mông Cổ	27,6	7,6	6,0	6,2
Ba Lan	3,9	4,0	3,3	33,0
Rumani	2,2	3,6	-	-
Liên Xô	4,1	3,8	4,8	7,3
Tiệp Khắc	9,3	4,0	5,7	11,6

Nguồn : Số liệu thống kê : kinh tế tài chính 1955-1986

Tổng cục thống kê - Hà Nội 1986

Phân tham khảo quốc tế - Bảng 67 - 69.